

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đại, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều: 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2.2. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1 công nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 29/9/2017 và Phạm Thị Hà D, sinh ngày 23/01/2020. Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện thoả thuận giao 2 cháu Phạm Thị Hà M và Phạm Thị Hà D cho chị T1 trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 đến khi 2 con thành niên.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Phạm Văn T chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002356 ngày 19 tháng 3 năm 2021. Chấp nhận anh T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống (02 bản để gửi VKSND tỉnh Thanh Hóa 01 bản);
- UBND. xã L, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Tuyên